TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số 04/2026/HNGĐ -ST
Ngày 12/01/2026
Về việc tranh chấp ly hôn .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên.
Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Hồng Văn
Bà Vũ Thị Nết
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh không tham gia phiên tòa.

Ngày 12/01/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 199/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2025, về việc *" Tranh chấp ly hôn "*, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 18/9/1965(Có mặt).
Nơi cư trú: Thôn L , xã T, tỉnh Bắc Ninh.
Số CCCD:024165006289.
Bị đơn: Ông Chung Thắng H (ChungSheng-Hsiung), sinh ngày 22/4/1943.
Hộ khẩu thường trú: Số C, tầng H, đường T, Ngõ A, Lý Trúc A, thành phố M, huyện M, Đài Loan.(Vắng mặt).
Số hộ chiếu: 300577615.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện,bản tự khai và phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà D và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh B cũ năm 2011, mục đích để bà D sang Đài Loan sinh sống. Tuy nhiên sau đó bà D không sang được Đài Loan(Trung Quốc) nên đến năm 2024 thì ly thân. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay bà D thấy tình cảm vợ chồng không còn, tuổi đã cao nên bà D và ông H tự nguyện ly hôn.

Về con chung: Không

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là Chung Thắng H (ChungSheng-Hsiung) vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai trình bày: Bà D và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân tỉnh B cũ năm 2011. Tuy nhiên do tuổi cao nên đến năm 2024 thì ly thân đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay ông H tuổi đã cao muốn sinh sống tại quê hương nên bà D yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý.

Ông H đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; ý kiến của đương sự ; Tòa án nhận định như sau:

[1].Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt ông H nhưng ông H đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[1.2]. Quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H có đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh B (Cũ) nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ cần xem xét giải quyết theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà D và ông H đều trình bày hiện do tuổi cao nên thuận tình ly hôn. Do vậy Tòa án nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn ông H.

[2.2]. Về con chung: Không

[2.3].Về tài sản chung và các vấn đề khác: Bà D và ông H không yêu cầu nên không giải quyết.

[3].Án phí: Bà D là người cao tuổi nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ nội dung trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 21,các Điều 26,28, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Chung Thắng H (ChungSheng-Hsiung) được ly hôn

2. Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

3.Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *Đương sự*
-TAND T, BN
- *VKSNDKV4-BN*
- Cục *THADS T. BN*
- *UBND xã T*
- *Lưu*

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên